

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình
2. Ông Lê Văn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **T**, sinh năm 1972 - Đại diện Hộ kinh doanh M. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh **H**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2.2. Chị **K** (G), sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị T trình bày:

Chị là chủ hộ kinh doanh M chuyên kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vào ngày 02/12/2014 vợ chồng anh H và chị K có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của chị. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận, chị đã giao phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho anh H chị K. Tính đến ngày 03/11/2015 anh H chị K còn nợ chị 110.995.000 đồng. Đến ngày 25/12/2015 anh H chị K trả 10.095.000 đồng, ngày 12/10/2017 anh H chị K trả 4.000.000 đồng; còn nợ 96.900.000 đồng. Sau đó, chị

đã nhiều lần yêu cầu anh H chị K trả nợ nhưng anh chị nói làm ăn khó khăn, không có tiền trả chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H và chị K có trách nhiệm trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu vốn là 96.900.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi, tạm tính từ ngày 12/10/2017 đến ngày 27/02/2020 là 28,5 tháng x 1,66%/tháng x 96.900.000 đồng = 45.843.390 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2020 anh H xác định: “vào khoảng năm 2014 - 2015 vợ chồng anh có đến cửa hàng của chị T để mua phân bón, thuốc trừ sâu để trồng hành, cải ...; khi mua có lần mua thiếu có lần trả tiền mặt. Khoảng 04 năm trở lại đây thì chị T không bán cho vợ chồng anh nữa. Do lâu quá nên anh không biết còn thiếu lại bao nhiêu tiền, khi giao dịch mua bán thì vợ anh trực tiếp thực hiện. Nay theo yêu cầu của chị T thì hiện nay anh không xác định được số tiền còn thiếu là bao nhiêu, mọi giao dịch đều do vợ anh trực tiếp thực hiện nên vợ anh biết. Hiện nay vợ anh đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, anh sẽ liên lạc kêu vợ anh về để giải quyết theo như thông báo của Tòa án. Nếu đúng như số tiền chị T kiện vợ chồng anh mua phân bón, thuốc trừ sâu như trên thì anh đồng ý trả”.

- *Tại phiên tòa:*

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H và chị K có trách nhiệm trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu vốn là 96.900.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 12/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/9/2020) là 35 tháng (tính tròn) x 1,66%/tháng x 96.900.000 đồng = 56.299.000 đồng.

Chị K xác định chị có mua phân bón, thuốc trừ sâu của chị T; chị T có giao cho chị 01 sổ ghi chép để theo dõi; chị có thiếu chị T tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 96.900.000 đồng nhưng chị không nhớ vào thời gian nào; sau đó chị trả được hơn 40 triệu (chị không nhớ chính xác thời gian trả), hiện còn nợ lại 45.000.000 đồng. Chị đồng ý trả chị T 45.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T - đại diện hộ kinh doanh M, buộc vợ chồng anh H và chị K có trách nhiệm trả chị T số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu vốn 96.900.000 đồng và lãi là 56.299.000 đồng, tổng cộng bằng 153.199.000 đồng. Về án phí buộc anh H chị K phải nộp 7.660.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả chị T 3.568.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị T khởi kiện yêu cầu anh H và chị K trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nên đây là tranh chấp “hợp đồng mua bán”. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh H tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh H vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H và chị K trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu vốn là 96.900.000 đồng.

Việc mua bán vật tư nông nghiệp giữa chị T với vợ chồng anh H và chị K là có thật căn cứ vào lời thừa nhận của các bị đơn. Chị T có lập sổ ghi theo dõi việc mua bán và có giao phía bị đơn giữ 01 sổ.

Chị T xác định anh H, chị K hiện nay còn nợ chị số tiền là 96.900.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2020 anh H xác định “do lâu quá nên anh không biết còn thiếu lại bao nhiêu tiền, khi giao dịch mua bán thì vợ anh trực tiếp thực hiện, anh không xác định được số tiền còn thiếu là bao nhiêu”. Trong khi đó, tại phiên tòa chị K xác định có nợ chị T 96.900.000 đồng nhưng chị không xác định vào thời gian nào; chị đã trả được hơn 40 triệu (chị không nhớ chính xác thời gian trả), hiện còn nợ lại 45.000.000 đồng. Lời khai của chị K tại phiên tòa không được chị T thừa nhận, chị K không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền hơn 40 triệu; do đó không có cơ sở để xem xét cho chị K. Vì vậy có căn cứ xác định anh H chị K còn nợ chị T số tiền 96.900.000 đồng.

Do anh H chị K đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền cho chị T nên yêu cầu của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận, buộc anh H chị K phải trả chị T số tiền còn nợ 96.900.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi của chị T:

Từ ngày 12/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/9/2020) là 35 tháng x 1,66%/tháng x 96.900.000 đồng = 56.299.000 đồng.

Là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh H và chị K phải chịu 7.660.000 đồng.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T - Đại diện Hộ kinh doanh M.

2. Buộc anh H và chị K có trách nhiệm trả chị T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ vốn là 96.900.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) và lãi 56.299.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh H và chị K phải nộp 7.660.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.568.000 đồng (*Ba triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011408 ngày 05/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

